


**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM  
BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số : 768/20/CBTT-DBT  
Về việc CBTT BCTC  
Quý 2 năm 2020

TP. Bến Tre, ngày 30 tháng 7 năm 2020

Kính gửi : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
2. Mã chứng khoán : DBT
3. Địa chỉ trụ sở chính : Số 6A3, quốc lộ 60, P. Phú Tân, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
4. Văn phòng điều hành tại TPHCM: số 11 đường Nguyễn Trọng Quyền, P Tân Thới Hòa, Q Tân Phú, TP HCM.
5. Điện thoại : 0283.622.0205
6. Người được ủy quyền công bố thông tin : Bà Nguyễn Thị Cấp Tiến.
7. Nội dung của thông tin công bố :
  - 7.1. Báo cáo tài chính Quý 2/2020 Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được lập ngày 27 tháng 7 năm 2020 gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
  - 7.2. Lợi nhuận sau thuế Quý 2 năm 2020 lỗ 912,206,350 đồng, nguyên nhân:
    - Chi phí lãi vay tăng 1,685,693,851 đồng do chủ động nguồn hàng trong tình trạng ảnh hưởng của dịch bệnh Covid nên Công ty tăng nhập hàng và được tài trợ bằng vốn vay.
    - Tăng chi phí bán hàng 5,249,748,828 đồng nhằm để kích cầu bán hàng trong tình hình khó khăn của dịch bệnh Covid còn đang diễn biến phức tạp.
8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://bepharco.com/quan-he-co-dong/>  
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. 

**Nơi nhận :**

- Như trên;
- Lưu: HCNS.

**Người đại diện theo pháp luật của Công ty  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**PHẠM THỨ TRIỆU**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>471,670,527,755</b>	<b>450,500,878,315</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>11,312,094,386</b>	<b>12,060,733,685</b>
1. Tiền	111		11,312,094,386	12,060,733,685
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>18,768,341,208</b>	<b>16,317,960,204</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	18,768,341,208	16,317,960,204
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>129,529,964,936</b>	<b>127,328,435,596</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	120,391,193,026	114,015,037,103
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1,263,772,466	1,686,620,248
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	7,874,999,444	11,758,762,040
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	-	(131,983,795)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>299,505,453,463</b>	<b>283,193,673,555</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	300,112,070,959	283,982,608,995
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(606,617,496)	(788,935,440)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12,554,673,762</b>	<b>11,600,075,275</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1,235,744,671	307,665,777
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10,988,235,563	11,292,409,498
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		330,693,528	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>202,967,821,855</b>	<b>204,008,112,087</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4,677,515,672</b>	<b>3,677,275,515</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	4,677,515,672	3,677,275,515
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>22,715,580,982</b>	<b>24,293,244,755</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	18,834,965,614	20,291,245,665
- Nguyên giá	222		48,873,649,504	48,750,235,866
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30,038,683,890)	(28,458,990,201)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	3,880,615,368	4,001,999,090
- Nguyên giá	228		6,131,878,777	6,048,588,777
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,251,263,409)	(2,046,589,687)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.11</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		52,826,363	52,826,363
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(52,826,363)	(52,826,363)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>	<b>1,136,496,296</b>	<b>1,136,496,296</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1,136,496,296	1,136,496,296
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>156,653,927,580</b>	<b>156,653,927,580</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	108,545,702,580	108,545,702,580
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	48,108,225,000	48,108,225,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>17,784,301,325</b>	<b>18,247,167,941</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	17,784,301,325	18,247,167,941
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>674,638,349,610</b>	<b>654,508,990,402</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>488,172,069,259</b>	<b>471,976,587,326</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>449,323,548,128</b>	<b>434,269,439,976</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	86,477,755,810	121,333,363,212
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		76,541,434	175,616,285
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1,444,044,914	3,681,288,983
4. Phải trả người lao động	314	V.15	7,314,315,122	99,015,775
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2,128,090,120	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		180,000,000	180,000,000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a, c	1,100,718,331	4,176,789,889
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	349,968,202,543	304,487,301,350
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	633,879,854	136,064,482
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>38,848,521,131</b>	<b>37,707,147,350</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b, c	26,410,082,286	28,157,477,481
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b, c	180,500,000	130,500,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b, c	11,501,827,000	8,821,647,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19	756,111,845	597,522,869
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

038  
NG  
PH  
CP  
NT  
E-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>186,466,280,351</b>	<b>182,532,403,076</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>186,416,280,351</b>	<b>182,482,403,076</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	135,288,140,000	135,288,140,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		135,288,140,000	135,288,140,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	433,056,160	433,056,160
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	8,876,126,506	8,876,126,506
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.20	2,536,822,093	2,536,822,093
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	39,282,135,592	35,348,258,317
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		34,144,714,623	35,348,258,317
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		5,137,420,969	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>50,000,000</b>	<b>50,000,000</b>
1. Nguồn kinh phí	431	V.21	50,000,000	50,000,000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>674,638,349,610</b>	<b>654,508,990,402</b>

Bến Tre, ngày 27 tháng 7 năm 2020



Nguyễn Thị Thanh Giang  
Người lập



Nguyễn Thế Quốc Uy  
Kế toán trưởng



Phạm Thứ Triệu  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

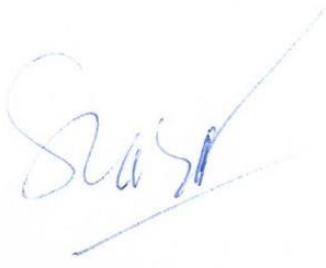
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	195,121,389,271	166,587,818,314	368,090,121,284	322,216,092,990
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1,136,413,790	1,128,893,188	1,638,744,261	3,240,484,896
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		193,984,975,481	165,458,925,126	366,451,377,023	318,975,608,094
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	154,023,213,261	125,986,889,889	280,528,014,039	245,134,393,593
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39,961,762,220	39,472,035,237	85,923,362,984	73,841,214,501
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1,457,696,302	972,128,085	2,908,330,568	1,400,038,752
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	5,535,893,688	3,773,627,890	10,556,821,328	7,182,793,831
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5,154,129,277	3,468,235,426	10,133,262,766	6,832,694,939
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	31,579,511,469	26,329,762,641	58,206,568,205	43,300,774,783
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	5,758,631,654	6,410,968,201	16,152,189,147	15,665,184,139
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1,454,578,289)	3,929,804,590	3,916,114,872	9,092,500,500
11. Thu nhập khác	31	VI.8	435,894,946	510,423,408	1,009,860,701	1,024,389,997
12. Chi phí khác	32	VI.9	6,400,327	15,187,142	6,422,930	16,330,759
13. Lợi nhuận khác	40		429,494,619	495,236,266	1,003,437,771	1,008,059,238
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1,025,083,670)	4,425,040,856	4,919,552,643	10,100,559,738
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	(271,466,296)	821,732,914	1,251,897,633	2,161,703,590
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.19	158,588,976	158,588,976	158,588,976	158,588,976
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(912,206,350)	3,444,718,966	3,509,066,034	7,780,267,172
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10				
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10				

Bến Tre, ngày 27 tháng 7 năm 2020



Nguyễn Thị Thanh Giang  
Người lập



Nguyễn Thế Quốc Uy  
Kế toán trưởng



Phạm Thứ Triệu  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****(Theo phương pháp gián tiếp)****6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4,919,552,643	10,100,559,738
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1,784,367,411	1,596,910,273
- Các khoản dự phòng	03	(314,301,739)	(70,512,068)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	138,592,699	182,810,449
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(88,657,255)	(113,424,022)
- Chi phí lãi vay	06	10,133,262,766	6,832,694,939
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16,572,816,525	18,529,039,309
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(3,096,305,295)	17,869,269,508
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(16,129,461,964)	12,183,916,805
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(29,919,573,000)	(18,939,116,371)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(465,212,278)	(1,853,369,326)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(10,133,262,766)	(6,832,694,939)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3,017,731,340)	(2,597,443,001)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(106,407,000)	(3,509,128,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(46,295,137,118)</b>	<b>14,850,473,985</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(206,703,638)	(38,809,455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(2,450,381,004)	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	88,657,255	113,424,022
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2,568,427,387)</b>	<b>74,614,567</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm nay
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	365,591,029,458	260,877,903,597
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(317,429,948,265)	(266,213,304,989)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(42,985,245)	(9,352,346,960)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>48,118,095,948</b>	<b>(14,687,748,352)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(745,468,557)</b>	<b>237,340,200</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>12,060,733,685</b>	<b>14,241,693,134</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(3,170,742)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>11,312,094,386</b>	<b>14,479,033,334</b>

Nguyễn Thị Thanh Giang  
Người lập

Bến Tre, ngày 27 tháng 7 năm 2020

Nguyễn Thế Quốc Uy  
Kế toán trưởng

Phạm Thu Triệu  
Tổng Giám đốc

338  
IG  
PH  
PT  
TR  
-T-



# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua và bán dược phẩm.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

*Các công ty con*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	725 đường Yên Ninh, phường Minh Tân, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Sản xuất kinh doanh dược phẩm	82,15%	82,15%	82,15%
Công ty Cổ phần Vắcxin và Sinh phẩm Nha Trang	26 Hàn Thuyên, TP. Nha Trang	Sản xuất kinh doanh hóa dược, dược phẩm, dược liệu	51,00%	51,00%	51,00%

*Công ty liên kết*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	334 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm	23,14%	23,14%	23,14%

*Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Hà Nội	Tầng 8, tòa nhà Văn phòng Viwaseen, đường Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Ninh Bình	Số 51 đường 1B, phường Nam Thành, TP. Ninh Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Đà Nẵng	Lô A3-28, A3-29, đường Nguyễn Chí Diểu, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Khánh Hòa	Thôn Hòn Nghê, đường Nguyễn Xiển, xã Vĩnh Ngọc, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

---

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Cần Thơ	Số 91/21A, đường Cách Mạng tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại TP. Hồ Chí Minh	Số 11 Nguyễn Trọng Quyền, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 383 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 365 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ giữa niên độ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### ***Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết***

#### ***Công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

#### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

#### ***Ghi nhận ban đầu***

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### ***Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết***

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là tiền thuê đất trả trước tại văn phòng Bến Tre và chi phí sửa chữa, cải tạo kho và văn phòng Công ty và các chi nhánh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất tại Bến Tre mà Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê của từng lô đất thuê.

#### *Chi phí sửa chữa, cải tạo kho và văn phòng*

Chi phí sửa chữa, cải tạo kho và văn phòng Công ty và các chi nhánh phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

### 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10

### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 35 năm đến 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

### 11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà của Công ty nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất dùng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 6 năm.

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 14. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### **15. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức được chia***

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **17. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của năm sau.

### 18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

19/10/2020  
Y  
N  
A  
I  
B

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### **21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### **22. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

### **23. Công cụ tài chính**

#### ***Tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### ***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	374,282,134	360,888,777
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10,937,812,252	11,699,844,908
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>11,312,094,386</u></b>	<b><u>12,060,733,685</u></b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
<b><i>Ngắn hạn</i></b>	<b><i>18,768,341,208</i></b>	<b><i>18,768,341,208</i></b>	<b><i>16,317,960,204</i></b>	<b><i>16,317,960,204</i></b>
Tiền gửi có kỳ hạn	3,768,341,208	3,768,341,208	1,317,960,204	1,317,960,204
Trái phiếu <sup>(i)</sup>	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
<b><i>Dài hạn</i></b>	<b><i>-</i></b>	<b><i>-</i></b>	<b><i>-</i></b>	<b><i>-</i></b>
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>18,768,341,208</u></b>	<b><u>18,768,341,208</u></b>	<b><u>16,317,960,204</u></b>	<b><u>16,317,960,204</u></b>

<sup>(i)</sup> Khoản đầu tư 1.500 trái phiếu với mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Số lượng trái phiếu này đã được cầm cố để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>108.545.702.580</b>	-	-	<b>108.545.702.580</b>	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	56,372,194,580	-	-	56,372,194,580	-	-
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	52.173.508.000	-	-	52.173.508.000	-	-
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>48.108.225.000</b>	-	-	<b>48.108.225.000</b>	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	48.108.225.000	-	-	48.108.225.000	-	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trà Vinh	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>156,653,927,580</b>	-	-	<b>156,653,927,580</b>	-	-

#### Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

#### Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái</b>		
Mua hàng hóa	22,445,961,803	9,574,114,963
Trả hàng	126,055,002	-
Bán hàng hóa	52,771,355,413	97,770,755
Chiết khấu bán hàng	-	-
Mua cổ phần	-	-
Nhận chuyển nhượng cổ phần từ các cổ đông khác	-	-
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang</b>		
Mua hàng hóa	10,454,196,533	9,639,461,636
Trả hàng	-	-
Nhận cổ tức được chia	-	-
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha</b>		
Mua hàng hóa	27,741,062,977	3,311,754
Bán hàng hóa	515,892,040	550,627,168
Nhận cổ tức được chia	-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>11,313,915,678</b>	<b>400,699,030</b>
Công ty cổ phần Dược phẩm Yên Bái	11,044,197,558	216,355,315
Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	269,718,120	184,343,715
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>109,077,277,348</b>	<b>113,614,338,073</b>
Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre	5,718,183,506	4,440,913,536
Công ty TNHH dược phẩm Minh Tiến	3,156,683,320	324,000,000
Văn phòng điều phối các dự án về Dân số	0	5,965,050,000
Bệnh viện Đà Nẵng	1,555,198,450	1,215,404,880
Các khách hàng khác	98,647,212,072	101,668,969,657
<b>Cộng</b>	<b>120,391,193,026</b>	<b>114,015,037,103</b>

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	-	318,659,550
Trường Đại học Tôn Đức Thắng	550,200,000	550,200,000
CN Công Ty CP Tập Đoàn Vàng Bạc Đá Quý Doji Hà Nội	266,166,000	-
Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Lạnh Đức Anh	163,600,000	-
Các nhà cung cấp khác	283,806,466	817,760,698
<b>Cộng</b>	<b>1,263,772,466</b>	<b>1,686,620,248</b>

### 5. Phải thu khác

#### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>137,000,000</b>	-	<b>450,205,444</b>	-
Thành viên ban điều hành - tạm ứng	137,000,000	-	60,000,000	-
Thành viên ban điều hành - thuế thu nhập cá nhân chi hộ	-	-	390,205,444	-
Thành viên hội đồng quản trị - thuế thu nhập cá nhân chi hộ	-	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>7,737,999,444</b>	-	<b>11,308,556,596</b>	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	-	-
Tạm ứng	3,872,550,871	-	3,599,249,292	-
Tiền ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	3,756,401,652	-	6,898,821,504	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	20,349,450	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	88,697,471	-	50,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b>7,874,999,444</b>	-	<b>11,758,762,040</b>	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu bên liên quan</b>	<b>95,938,480</b>	-	<b>95,938,480</b>	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones - tiền đặt cọc thuê mặt bằng	95,938,480	-	95,938,480	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>4,581,577,192</b>	-	<b>3,581,337,035</b>	-
Công ty Cổ phần Sơn và Chất dẻo - tiền đặt cọc thuê mặt bằng	1,140,000,000	-	1,140,000,000	-
Tiền ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng <sup>(i)</sup>	3,441,577,192	-	2,016,876,035	-
Ký quỹ bồi thường giải phóng mặt bằng	-	-	238,221,000	-
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	-	-	186,240,000	-
<b>Cộng</b>	<b>4,677,515,672</b>	-	<b>3,677,275,515</b>	-

#### 6. Dự phòng phải thu khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	131,983,795	131,983,795
Xử lý/Hoàn nhập dự phòng	(131,983,795)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>131,983,795</b>

#### 7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	13,112,193,956	-
Nguyên liệu, vật liệu <sup>(i)</sup>	1,512,736,297	-	1,553,941,144	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	247,329,633	-	160,408,136	-
Hàng hóa <sup>(i)</sup>	298,336,895,178	(606,617,496)	269,156,065,759	(788,935,440)
Hàng gửi đi bán	15,109,851	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>300,112,070,959</b>	<b>(606,617,496)</b>	<b>283,982,608,995</b>	<b>(788,935,440)</b>

<sup>(i)</sup> Trong đó, giá trị nguyên vật liệu chậm luân chuyển và hàng hóa tồn kho (thuốc các loại) có thời hạn sử dụng dưới 01 năm tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán là 1,075,866,048 VND (số đầu năm là 1,148,838,798 VND).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	788,935,440	441,426,065
Trích lập dự phòng bổ sung	(182,317,944)	598,178,283
Xuất hủy trong kỳ	-	(250,668,908)
<b>Số cuối năm</b>	<b>606,617,496</b>	<b>788,935,440</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 8. Chi phí trả trước

#### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	304,607,727
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	687,936,786	-
Chi phí thuê văn phòng	24,000,000	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	523,807,886	3,058,050
<b>Cộng</b>	<b>1,235,744,671</b>	<b>307,665,777</b>

#### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất trả trước	10,523,332,693	10,728,164,075
Chi phí công cụ, dụng cụ	791,289,731	616,680,052
Chi phí sửa chữa, cải tạo	5,176,430,721	5,729,823,067
Chi phí tư vấn chuyển nhượng quyền phân phối sản phẩm Cẩm xuyên hương dạng cốt	-	1,133,333,335
Quyền phân phối sản phẩm Cẩm xuyên hương dạng cốt	-	33,333,332
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1,293,248,180	-
<b>Cộng</b>	<b>17,784,301,325</b>	<b>18,247,167,941</b>

### 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	19,428,924,936	8,803,273,633	12,992,938,196	7,525,099,101	48,750,235,866
Mua trong kỳ	-	123,413,638	-	-	123,413,638
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	19,428,924,936	8,926,687,271	12,992,938,196	7,525,099,101	48,873,649,504
Thanh lý, nhượng bán trong kỳ					
<b>Số cuối năm</b>	6,230,199,860	1,980,047,045	4,277,377,016	6,490,202,101	18,977,826,022
<i>Trong đó:</i>					
Trong đó:	19,428,924,936	8,803,273,633	12,992,938,196	7,525,099,101	48,750,235,866
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	123,413,638	-	-	123,413,638
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	9,971,872,208	5,017,656,461	6,709,534,148	6,759,927,384	28,458,990,201
Khấu hao trong kỳ	384,310,681	436,053,650	480,352,099	278,977,259	1,579,693,689
Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	10,356,182,889	5,453,710,111	7,189,886,247	7,038,904,643	30,038,683,890

Giá trị còn lại

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	9,457,052,728	3,785,617,172	6,283,404,048	765,171,717	20,291,245,665
Số cuối năm	<u>9,072,742,047</u>	<u>3,472,977,160</u>	<u>5,803,051,949</u>	<u>486,194,458</u>	<u>18,834,965,614</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Thế chấp, cầm cố	2,734,452,065	2,348,227,019	3,383,228,720	-	8,465,907,804

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 8.465.907.804 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận và Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre.

### 10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	4,302,988,457	1,745,600,320	6,048,588,777
Mua trong kỳ		83,290,000	83,290,000
Số cuối năm	<u>4,302,988,457</u>	<u>1,828,890,320</u>	<u>6,131,878,777</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	870,254,690	1,176,334,997	2,046,589,687
Khấu hao trong kỳ	19,636,858	185,036,864	204,673,722
Số cuối năm	<u>889,891,548</u>	<u>1,361,371,861</u>	<u>2,251,263,409</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	<u>3,432,733,767</u>	<u>569,265,323</u>	<u>4,001,999,090</u>
Số cuối năm	<u>3,413,096,909</u>	<u>467,518,459</u>	<u>3,880,615,368</u>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-
Thế chấp, cầm cố	2,624,414,000	-	2,624,414,000

Một số quyền sử dụng đất với giá trị còn lại theo sổ sách là 2.624.414.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre.

### 11. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	52,826,363
Số cuối năm	<u>52,826,363</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	52,826,363
Số cuối năm	<u>52,826,363</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	<u>-</u>

Bất động sản đầu tư của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất tại số 19 đường Đồng Khởi, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	-			-
Xây dựng cơ bản dở dang <sup>(i)</sup>	1,136,496,296			1,136,496,296
<b>Cộng</b>	<u>1,136,496,296</u>			<u>1,136,496,296</u>

**13. Phải trả người bán****13a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	<u>164.730</u>
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	-	-
Công ty cổ Phần Dược Phẩm Yên Bái	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha		164.730
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<u>86,477,755,810</u>	<u>121,333,198,482</u>
Chemical Works of Gedeon Richter Ltd	7,425,533,647	27,095,830,059
Công ty TNHH Dược phẩm Minh Tiến Raptakos, Brett Co.Ltd.	14,946,224,556	
Egis Pharmaceuticals Plc. Hungary	2,839,453,370	20,934,949,763
Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	216,471,135	12,242,575,306
Các nhà cung cấp khác	50,059,830,459	61,059,843,354
<b>Cộng</b>	<u>86,477,755,810</u>	<u>121,333,363,212</u>

**13b. Phải trả người bán dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang – bên liên quan <sup>(i)</sup>	11,452,579,239	17,728,683,466
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái – bên liên quan <sup>(ii)</sup>	14,957,503,047	10,428,794,015
<b>Cộng</b>	<u>26,410,082,286</u>	<u>28,157,477,481</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

- (i) Theo Phụ lục số 03 Hợp đồng số 05/04/2019/HDMB-SP ngày 28 tháng 12 năm 2019 giữa Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre và Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang.
- (ii) Theo Phụ lục số 02/2019/Bepharco – Ypharco ngày 28 tháng 12 năm 2019 giữa Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre và Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái.

### 13c. *Nợ quá hạn chưa thanh toán*

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
				Số phải nộp	Số phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	613,403,651	901,967,685	1,323,224,055	192,147,281	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	8,311,295,526	8,311,295,526	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	38,004,158	38,004,158	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,694,692,751	2,586,269,296	3,029,064,414	1,251,897,633	11,333,074
Thuế thu nhập cá nhân	1,373,192,581	304,967,434	1,997,520,469	-	319,360,454
Thuế nhà đất	-	3,016,761	3,016,761	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	22,728,009	22,728,009	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3,681,288,983</b>	<b>12,168,248,869</b>	<b>14,724,853,392</b>	<b>1,444,044,914</b>	<b>330,693,528</b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuốc chữa bệnh, vật tư y tế: 5%
- Dịch vụ và hàng hóa khác: 10%

#### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4,919,552,643	10,100,559,738
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1,339,935,523	1,652,669,500
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(931,211,290)
Thu nhập chịu thuế	6,259,488,166	10,822,017,948
Thu nhập được miễn thuế	-	(13,500,000)
Thu nhập tính thuế	6,259,488,166	10,808,517,948
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1,251,897,633</b>	<b>2,161,703,590</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Thuế nhà đất**

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**15. Phải trả người lao động**

Tiền lương còn phải trả người lao động.

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	7,314,315,122	99,015,775
<b>Cộng</b>	<b><u>7,314,315,122</u></b>	<b><u>99,015,775</u></b>

**16. Phải trả khác****16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b><u>19,500,000</u></b>	<b><u>19,500,000</u></b>
Thành viên Ban điều hành - cổ tức phải trả	19,500,000	19,500,000
Thành viên Hội đồng quản trị - cổ tức phải trả	-	-
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b><u>1,081,218,331</u></b>	<b><u>4,157,289,889</u></b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	43,325,179	43,325,179
Kinh phí công đoàn	300,173,453	170,489,017
Bảo hiểm xã hội	-	121,196,452
Bảo hiểm y tế	1,173,450	-
Bảo hiểm thất nghiệp	89,300	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	429,061,950	429,061,950
Phải trả tiền giải phóng mặt bằng	238,221,000	238,221,000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	69,173,999	3,154,996,291
<b>Cộng</b>	<b><u>1,100,718,331</u></b>	<b><u>4,176,789,889</u></b>

**16b. Phải trả dài hạn khác**

Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b><u>180,500,000</u></b>	<b><u>130,500,000</u></b>
Nhận ký quỹ, ký cược	180,500,000	130,500,000
Các khoản phải trả dài hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>180,500,000</u></b>	<b><u>130,500,000</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

### 17. Vay

#### 17a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn các ngân hàng</b>	<b>347,141,125,906</b>	<b>301,660,224,713</b>
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam CN Bến Tre	228,230,121,690	229,302,557,339
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam CN 4 TPHCM	29,899,347,439	
Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Bến Tre	38,124,817,033	52,368,417,424
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Phú Nhuận	41,311,561,247	
Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	9,575,278,497	19,989,249,950
<b>Vay ngắn hạn các tổ chức khác</b>	<b>187,436,637</b>	<b>187,436,637</b>
Vay ngắn hạn các cá nhân	187,436,637	187,436,637
Vay dài hạn đến hạn trả	2,639,640,000	2,639,640,000
<b>Cộng</b>	<b><u>349,968,202,543</u></b>	<b><u>304,487,301,350</u></b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh được phẩm với lãi suất theo thực tế tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay không quá 7 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty như sau:

- Cầm cố trái phiếu tại Ngân hàng này;
- Thế chấp cổ phiếu của các khoản đầu tư dài hạn;
- Thế chấp quyền thu nợ đối với các khoản phải thu khách hàng;
- Cầm cố hàng hóa tồn kho là được phẩm các loại luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị tối thiểu 90 tỷ VND;
- Thế chấp một số nhà xưởng, máy móc, thiết bị, quyền sử dụng đất thuê tại thửa số 13, tờ bản đồ số 5, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre và quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sơn – Chất dẻo.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh được phẩm với lãi suất theo thực tế tại thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh hàng tuần, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty như sau:

- Thế chấp một số quyền sử dụng đất thuê tại tỉnh Bến Tre;
- Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty.
- Thế chấp quyền thu nợ đối với các khoản phải thu khách hàng.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – Chi nhánh Phú Nhuận để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh được phẩm với lãi suất theo thực tế tại thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh hàng tuần, thời hạn vay 09 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty như sau:

- Thế chấp một số quyền sử dụng đất thuê tại tỉnh Bến Tre;
- Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh dược phẩm với lãi suất theo thực tế tại thời điểm nhận nợ thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp và việc thế chấp quyền thu nợ đối với các khoản phải thu khách hàng

(iv) Vay không có tài sản đảm bảo Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo, người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Bến Tre, cán bộ nhân viên và các cá nhân khác để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh dược phẩm với lãi suất của ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số tiền vay				
	Số đầu năm	phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	301,660,224,713	361,591,029,458	1,319,820,000	316,110,128,265	348,460,945,906
Vay ngắn hạn tổ chức và các cá nhân	187,436,637	-	-	-	187,436,637
Vay dài hạn đến hạn trả	2,639,640,000	-	-	1,319,820,000	1,319,820,000
<b>Cộng</b>	<b>304,487,301,350</b>	<b>361,591,029,458</b>	<b>1,319,820,000</b>	<b>317,429,948,265</b>	<b>349,968,202,543</b>

### 17b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam CN Bến Tre	903,000,000	1,233,000,000
Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Bến Tre	6,598,827,000	7,588,647,000
Vay dài hạn các cá nhân	4,000,000,000	-
- Vay Ông/Bà Vương Hạnh Phương	4,000,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b>11,501,827,000</b>	<b>8,821,647,000</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay số 14911.018/2019/HĐCVDADT/NHCT78005-BEPHARCO ngày 31 tháng 10 năm 2019 để mua sắm xe ô tô Toyota Innova mang biển kiểm soát 71A-072.38 với lãi suất theo thực tế tại thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh hàng tháng, thời hạn vay 36 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 30 tháng 11 năm 2019.
- Hợp đồng vay số 024454.025/2019/HĐCVDADT/NHCT78005-BEPHARCO ngày 18 tháng 11 năm 2019 để mua sắm xe đông lạnh hiệu Hino FG9JT7A-G với lãi suất 8,9%/năm trong thời hạn 24 tháng kể từ thời điểm giải ngân và được điều chỉnh hàng tháng sau khi kết thúc thời gian ưu đãi, thời hạn vay 36 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 18 tháng 12 năm 2019.

Các khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp các tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9)

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre để bù đắp chi phí thanh toán tiền thuê đất đối với 15 thửa đất tại tỉnh Bến Tre với lãi suất 8%/năm tính đến ngày 11 tháng 11 năm 2020 và được điều chỉnh hàng quý, thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 11 năm 2019. Khoản vay này được được bảo đảm bằng việc thế chấp

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty tại TP. Đà Nẵng (xem các thuyết minh số V.9 và V.10).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	2,639,640,000	2,639,640,000
Trên 1 năm đến 5 năm	11,501,827,000	8,821,647,000
<b>Cộng</b>	<b>14,141,467,000</b>	<b>11,461,287,000</b>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn các ngân hàng trong kỳ như sau:

Số đầu năm	11,461,287,000
Số tiền vay phát sinh	4,000,000,000
Tặng khác (ghi cụ thể)	41,000,000
Số tiền vay đã trả	(1,360,820,000)
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(2,639,640,000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>11,501,827,000</b>

### 17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

### 18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh quỹ khen thưởng, phúc lợi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	136,064,482	3,584,229,123
Tặng do trích lập từ lợi nhuận	604,222,372	933,255,309
Chi quỹ trong kỳ	(106,407,000)	(4,381,419,950)
<b>Số cuối năm</b>	<b>633,879,854</b>	<b>136,064,482</b>

### 19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến chi phí cải tạo, sửa chữa kho và văn phòng tại Chi nhánh Hồ Chí Minh. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	597,522,869
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	158,588,976
<b>Số cuối năm</b>	<b>756,111,845</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

### 20. Vốn chủ sở hữu

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu như sau:*

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	123,144,940,000	538,056,160	8,876,126,506	2,536,822,093	47,144,486,102	182,240,430,861
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	7,137,600,287	7,137,600,287

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	-	-	-	(1,520,304,507)	(1,520,304,507)
Chia cổ tức trong kỳ trước	-	-	-	-	(18,471,741,000)	(18,471,741,000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>123,144,940,000</b>	<b>538,056,160</b>	<b>8,876,126,506</b>	<b>2,536,822,093</b>	<b>34,290,040,882</b>	<b>169,385,985,641</b>
Số dư đầu năm nay	135,288,140,000	433,056,160	8,876,126,506	2,536,822,093	35,348,258,317	182,482,403,076
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	3,509,066,034	3,509,066,034
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	-	(604,222,372)	(604,222,372)
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	-	(42,985,245)	(42,985,245)
Hủy ghi nhận thuế TNDN về lãi vay không được trừ năm 2017, 2018, 2019	-	-	-	-	1,628,354,935	1,628,354,935
Chi thù lao HĐQT	-	-	-	-	(556,336,077)	(556,336,077)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>135,288,140,000</b>	<b>433,056,160</b>	<b>8,876,126,506</b>	<b>2,536,822,093</b>	<b>39,282,135,592</b>	<b>186,416,280,351</b>

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bà Đậu Thị Thúy Mai	20.157.340.000	20.157.340.000
Ông Lê Văn Minh	10.250.000.000	10.250.000.000
Bà Lê Thị Trúc Linh	19.153.830.000	19.153.830.000
Ông Phạm Thứ Triệu	10.389.650.000	10.389.650.000
Các tổ chức và cá nhân khác	75.337.320.000	75.337.320.000
<b>Cộng</b>	<b>135.288.140.000</b>	<b>135.288.140.000</b>

Các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

### Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.528.814	13.528.814
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.528.814	13.528.814
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.528.814</i>	<i>13.528.814</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.528.814	13.528.814
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.528.814</i>	<i>13.528.814</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 21. Nguồn kinh phí

Kinh phí lập từ thuốc dự phòng.

### 22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

#### 22a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	30.582,69	30.582,69
Euro (EUR)	201,85	201,85

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 22b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Nguyên nhân
Ông Huỳnh Lê Duy Việt	5,283,260,500	5,283,260,500	Đương sự đang thụ án, không có khả năng trả nợ
Đại lý 126 Phạm Thị Nga	6,584,879	-	TDV có đòi nhiều lần nhưng không thu hồi được
Đại lý 353 Cao Văn Tươi	33,111,268	-	Mất tích
Quầy thuốc 449 Trần Anh Tài	3,106,853	-	Mất tích
Công ty TNHH Nhà nước MTV Dược Vật tư Y tế Quảng Ngãi	66,641,390	-	Chờ cho phép phá sản
Bệnh viện Đa khoa Tây Đô	14,486,850	-	Mất khả năng thanh toán
Nhà thuốc Bệnh viện Tây Đô	4,966,500	-	Mất khả năng thanh toán
Công ty TNHH MTV Bệnh viện Mekong Cần Thơ	3,086,055	-	Mất khả năng thanh toán
<b>Cộng</b>	<b>5,415,244,295</b>		

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	<u>06 tháng đầu 2020</u>	<u>06 tháng đầu 2019</u>
Doanh thu bán hàng hóa	365,061,288,977	318,777,091,876
Doanh thu bán thành phẩm	2,758,832,307	3,185,364,750
Doanh thu cho thuê mặt bằng	270,000,000	253,636,364
<b>Cộng</b>	<b><u>368,090,121,284</u></b>	<b><u>322,216,092,990</u></b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết.

### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>06 tháng đầu 2020</u>	<u>06 tháng đầu 2019</u>
Chiết khấu thương mại	1,146,890,135	1,801,667,753
Hàng bán bị trả lại	13,400,000	1,410,987,269
Giảm giá hàng bán	478,454,126	27,829,874



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>06 tháng đầu 2020</u>	<u>06 tháng đầu 2019</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>1,638,744,261</u></b>	<b><u>3,240,484,896</u></b>
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>	<b><u>06 tháng đầu 2020</u></b>	<b><u>06 tháng đầu 2019</u></b>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	275,554,369,636	242,119,997,628
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2,258,874,325	1,564,976,400
Giá trị hàng tồn kho bị hư hỏng, hết hạn, xuất hủy	2,526,837,767	97,457,382
Các khoản chi phí vượt mức bình thường khác được tính trực tiếp vào giá vốn	5,614,367	1,198,013,653
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	182,317,944	153,948,530
<b>Cộng</b>	<b><u>280,528,014,039</u></b>	<b><u>245,134,393,593</u></b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b><u>06 tháng đầu 2020</u></b>	<b><u>06 tháng đầu 2019</u></b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	88,657,255	99,924,022
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	13,500,000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2,485,543,862	1,020,512,802
Chiết khấu thanh toán	334,129,451	266,101,928
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2,908,330,568</u></b>	<b><u>1,400,038,752</u></b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>	<b><u>06 tháng đầu 2020</u></b>	<b><u>06 tháng đầu 2019</u></b>
Chi phí lãi vay	10,133,262,766	6,832,694,939
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	227,965,863	33,304,114
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	138,592,699	262,688,811
Chi phí tài chính khác	57,000,000	54,105,967
<b>Cộng</b>	<b><u>10,556,821,328</u></b>	<b><u>7,182,793,831</u></b>
<b>6. Chi phí bán hàng</b>	<b><u>06 tháng đầu 2020</u></b>	<b><u>06 tháng đầu 2019</u></b>
Chi phí cho nhân viên	42,783,032,380	27,919,230,120
Chi phí vật liệu, bao bì	150,671,537	197,682,257
Chi phí khấu hao tài sản cố định	864,884,465	805,700,851
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,860,194,653	9,583,649,063
Các chi phí khác	4,547,785,170	4,794,512,492
<b>Cộng</b>	<b><u>58,206,568,205</u></b>	<b><u>43,300,774,783</u></b>
<b>7. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b><u>06 tháng đầu 2020</u></b>	<b><u>06 tháng đầu 2019</u></b>
Chi phí cho nhân viên	9,378,011,259	11,530,924,979
Chi phí vật liệu quản lý	56,305,906	794,680,718

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>06 tháng đầu 2020</u>	<u>06 tháng đầu 2019</u>
Chi phí khấu hao tài sản cố định	528,064,457	403,460,778
Thuế, phí và lệ phí	217,848,142	228,912,903
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi		-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,211,857,111	2,635,966,524
Các chi phí khác	760,102,272	71,238,237
<b>Cộng</b>	<b><u>16,152,189,147</u></b>	<b><u>15,665,184,139</u></b>
<b>8. Thu nhập khác</b>	<b><u>06 tháng đầu 2020</u></b>	<b><u>06 tháng đầu 2019</u></b>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	409,693,822	712,973,792
Hàng khuyến mãi	13,639,737	0
Thu từ thuê nhà, thuê kho, nhân công và bảo vệ	409,900,442	117,909,096
Các khoản nợ không còn phải trả	122,538,152	0
Nhận tài trợ từ nhà cung cấp	54,043,163	78,669,850
Thu nhập khác	45,385	114,837,259
<b>Cộng</b>	<b><u>1,009,860,701</u></b>	<b><u>1,024,389,997</u></b>
<b>9. Chi phí khác</b>	<b><u>06 tháng đầu 2020</u></b>	<b><u>06 tháng đầu 2019</u></b>
Phạt vi phạm hành chính	-	
Thuế bị phạt, bị truy thu	5,208,859	
Khác	1,214,071	16,330,759
<b>Cộng</b>	<b><u>6,422,930</u></b>	<b><u>16,330,759</u></b>
<b>10. Lãi trên cổ phiếu</b>		
Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.		
<b>11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b><u>06 tháng đầu 2020</u></b>	<b><u>06 tháng đầu 2019</u></b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,402,535,011	1,969,301,251
Chi phí nhân công	48,830,838,045	40,597,518,741
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,784,367,411	- 1,596,910,273
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15,472,653,064	12,543,065,418
Chi phí khác	10,898,908,482	5,095,173,632
<b>Cộng</b>	<b><u>78,389,302,013</u></b>	<b><u>61,801,969,315</u></b>

Bến Tre, ngày 27 tháng 07 năm 2020

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---



**Nguyễn Thị Thanh Giang**  
Người lập



**Nguyễn Thế Quốc Uy**  
Kế toán trưởng



**Phạm Thứ Triệu**  
Tổng Giám đốc

